

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 04 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Bùi T A**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số 60, khu dân cư T, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm 2, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Quách P**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khóm 2, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa ông Bùi T A và bà Lê Thị N.

2.1.1. Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/9/2021 giữa ông Bùi T A với bà Lê Thị N đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 683.3m², thuộc một phần thửa số 184, tờ bản đồ số 52, đất tọa lạc tại khóm 4, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 870985 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Lê Thị N ngày 16/11/2020.

2.1.2. Ông Bùi T A được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 683.3m², thuộc một phần thửa số 184, tờ bản đồ số 52, đất tọa lạc tại khóm 4, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 870985 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Lê Thị N ngày 16/11/2020. Phần đất gồm 02 phần, cụ thể như sau:

- Phần thứ nhất (I) diện tích 502.7m²:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 184, có số đo là 12.28m + 6.66m + 8.57m.

Hướng Tây giáp lề và đường đi bê tông hiện trạng, có số đo là 6.44m + 3.67m.

Hướng Nam giáp lề và đường đi bê tông hiện trạng, có số đo là 4.32m + 21.51m + 1.66m.

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 184, có số đo là 31.17m.

- Phần thứ hai (II) diện tích 180.6m²:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 184 và 108, có số đo là 5.59m.

Hướng Tây giáp lề và đường đi bê tông hiện trạng, có số đo là 7.16m.

Hướng Nam giáp phần đất thửa 108, có số đo là 28.59m.

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 184, có số đo là 28.33m.

2.1.3. Ông Bùi T A có quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục tách thửa để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 683.3m², thuộc một phần thửa số 184, tờ bản đồ số 52, đất tọa lạc tại khóm 4, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 870985 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Lê Thị N ngày 16/11/2020 theo quy định của pháp luật.

2.1.4. Buộc ông Bùi T A có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N số tiền 65.100.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thanh lý hợp đồng đo đạc tổng số tiền 3.762.998 đồng (Ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng), bà Lê Thị N chịu toàn bộ. Ông Bùi T A đã nộp số tiền 3.762.998 đồng (Ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng), nên buộc bà Lê Thị N phải nộp số tiền 3.762.998 đồng (Ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng) để hoàn lại cho ông Bùi T A.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

2.3.1. Buộc bà Lê Thị N phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2.3.2. Ông Bùi T A không phải chịu. Ông Bùi T A đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0008303 ngày 04/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại cho ông Bùi T A số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Quốc Trung